Phụ lục I

CÁC CHỈ SỐ, TÍNH ĐIỂM CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 84 /2026/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Bảng 1A. Các chỉ số, tính điểm các chỉ số đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu áp dụng cho đô thị loại đặc biệt, loại I

Bảng 1B. Các chỉ số, tính điểm các chỉ số đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu áp dụng cho đô thị loại II

Bảng 1C. Các chỉ số, tính điểm các chỉ số đánh giá khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu áp dụng cho đô thị loại III

BẢNG 1A. CÁC CHỈ SỐ, TÍNH ĐIỂM CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ÁP DỤNG CHO ĐÔ THỊ LOẠI ĐẶC BIỆT, LOẠI I

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
I. TIÊU CHÍ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 21 ĐIỂM)						
1	1A.I.01	Thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai có lồng ghép kịch bản biến đổi khí hậu	Chưa thực hiện nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc lập bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Lập bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch	Đã thực hiện 1 trong 3 nội dung sau: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc lập bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Lập bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch	Đã thực hiện 2 trong 3 nội dung sau: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc lập bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Lập bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch	Đã thực hiện 3 nội dung sau: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc lập bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Lập bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Lập bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.
2	1A.I.02	Lồng ghép đánh giá rủi ro thiên tai vào quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch tổng thể thành phố	Chưa lồng ghép nội dung nào trong 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch tổng thể thành phố: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo	Đã lồng ghép 1 trong 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch tổng thể thành phố: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo	Đã lồng ghép 2 trong 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch tổng thể thành phố: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo	Đã lồng ghép 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch tổng thể thành phố: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
			thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.
3	1A.I.03	Lồng ghép đánh giá rủi ro thiên tai vào chương trình phát triển đô thị	Chưa lồng ghép nội dung nào trong 3 nội dung sau vào chương trình phát triển đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch	Đã lồng ghép 1 trong 3 nội dung sau vào chương trình phát triển đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch	Đã lồng ghép 2 trong 3 nội dung sau vào chương trình phát triển đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch	Đã lồng ghép 3 nội dung sau vào chương trình phát triển đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.
4	1A.I.04	Các cơ quan cấp tỉnh được đào tạo, bồi dưỡng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	Chưa tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng.	Tham gia 1 khóa đào tạo, bồi dưỡng.	Tham gia 2 khóa đào tạo, bồi dưỡng.	Tham gia 3 khóa đào tạo, bồi dưỡng trở lên.
			Trường hợp Sở Xây dựng có phòng chuyên môn được giao chức năng nhiệm vụ quản lý phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu thì chỉ số này được cộng 1 điểm, điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			
5	1A.I.05	Thiết lập cơ chế phối hợp trong toàn tỉnh, thành phố để phòng, chống thiên tai	Chưa thực hiện nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Có quy chế phối hợp liên ngành, các địa phương trong phòng, chống thiên tai. - Có quy trình phối hợp trong phòng, chống thiên tai. - Có quy định chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm thiên tai;	Đã thực hiện 1 trong 3 nội dung sau: - Có quy chế phối hợp liên ngành, các địa phương trong phòng, chống thiên tai. - Có quy trình phối hợp trong phòng, chống thiên tai. - Có quy định chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm thiên tai;	Đã thực hiện 2 trong 3 nội dung sau: - Có quy chế phối hợp liên ngành, các địa phương trong phòng, chống thiên tai. - Có quy trình phối hợp trong phòng, chống thiên tai. - Có quy định chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm thiên tai;	Đã thực hiện 3 nội dung sau: - Có quy chế phối hợp liên ngành, các địa phương trong phòng, chống thiên tai. - Có quy trình phối hợp trong phòng, chống thiên tai. - Có quy định chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm thiên tai;

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			chia sẻ nguồn lực phòng, chống thiên tai.	chia sẻ nguồn lực phòng, chống thiên tai.	chia sẻ nguồn lực phòng, chống thiên tai.	chia sẻ nguồn lực phòng, chống thiên tai.
6	1A.I.06	Phát triển và chuyển đổi hệ thống giao thông công cộng theo hướng phát thải thấp	Chưa thực hiện nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Có hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn. - Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi hệ thống giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch hoặc năng lượng tái tạo. - Có cơ chế điều phối và duy trì vận hành giao thông công cộng trong điều kiện thiên tai hoặc gián đoạn năng lượng.	Đã thực hiện 1 trong 3 nội dung sau: - Có hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn. - Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi hệ thống giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch hoặc năng lượng tái tạo. - Có cơ chế điều phối và duy trì vận hành giao thông công cộng trong điều kiện thiên tai hoặc gián đoạn năng lượng.	Đã thực hiện 2 trong 3 nội dung sau: - Có hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn. - Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi hệ thống giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch hoặc năng lượng tái tạo. - Có cơ chế điều phối và duy trì vận hành giao thông công cộng trong điều kiện thiên tai hoặc gián đoạn năng lượng.	Đã thực hiện 3 nội dung sau: - Có hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn. - Xây dựng và triển khai lộ trình chuyển đổi hệ thống giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng năng lượng sạch hoặc năng lượng tái tạo. - Có cơ chế điều phối và duy trì vận hành giao thông công cộng trong điều kiện thiên tai hoặc gián đoạn năng lượng.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
7	1A.I.07	Mức độ xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển đô thị dùng chung phục vụ quản lý đô thị	Chưa xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển đô thị dùng chung.	Đã xây dựng cơ sở dữ liệu phát triển đô thị dùng chung nhưng chưa đưa vào vận hành hoặc chỉ sử dụng phục vụ lưu trữ dữ liệu.	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu phát triển đô thị dùng chung; đã tích hợp một phần dữ liệu không gian theo các bản đồ yêu cầu tại chỉ số 1A.I.01.	Đã xây dựng và đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu phát triển đô thị dùng chung; đã tích hợp đầy đủ dữ liệu không gian theo các bản đồ yêu cầu tại chỉ số 1A.I.01.
Trường hợp tỉnh, thành phố có duy trì, vận hành hệ thống cảm biến để giám sát tình trạng ngập lụt hoặc sạt lở hoặc ô nhiễm không khí theo thời gian thực thì tiêu chí này được cộng 3 điểm, điểm của tiêu chí sau khi tính điểm cộng không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí.						
II. TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THIẾT YẾU CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 12 ĐIỂM)						
8	1A.II.01	Khả năng duy trì hoạt động của các tuyến đường bộ chủ yếu khi xảy ra thiên tai	Từ 30% trở xuống các tuyến đường bộ chủ yếu duy trì lưu thông trong thời gian xảy ra thiên tai.	Tính điểm nội suy		Từ 90% trở lên các tuyến đường bộ chủ yếu duy trì lưu thông trong thời gian xảy ra thiên tai.
			Trường hợp trên địa bàn đã xác định, thông tin rộng rãi đến người dân các tuyến đường ưu tiên cứu hộ, cứu nạn cho khu vực thường xuyên bị thiệt hại khi xảy ra thiên tai thì chỉ số này được cộng 1 điểm, điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
9	1A.II.02	Đảm bảo chất lượng môi trường không khí	Chỉ số nồng độ bụi PM2,5 trung bình năm từ 25 µg/Nm³ trở lên.	Tính điểm nội suy		Chỉ số nồng độ bụi PM2,5 trung bình năm từ 10 µg/Nm³ trở xuống.
10	1A.II.03	Khả năng vận hành liên tục của hệ thống hạ tầng viễn thông và internet và mức độ phổ biến thông tin đến người dân	Chưa đảm bảo nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp.	Đảm bảo 1 trong 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp.	Đảm bảo 2 trong 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp.	Đảm bảo 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			- Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.	- Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.	- Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.	- Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.
			Trường hợp đô thị có các Mô hình thí điểm hoặc dự án ứng dụng công nghệ khí hậu (Climate-tech) hoặc các giải pháp hạ tầng thông minh dựa trên AI để dự báo rủi ro thiên tai đã ứng dụng thực tế thì chỉ số này được cộng 1 điểm, điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			
11	1A.II.04	Mức độ an toàn của nhà ở đô thị ứng phó với thiên tai	Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt từ 93% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố đạt từ 99% trở lên.
Trường hợp tỉnh, thành phố thực hiện một trong số các nội dung sau thì tiêu chí này được cộng 2 điểm: *- Ít nhất 30% nước thải sau khi xử lý được tái sử dụng cho một hoặc nhiều các mục đích: thương mại, công nghiệp, công cộng.* *- Bùn thải đô thị đã được tái chế thành phân vi sinh hoặc vật liệu xây dựng.* *- Có sử dụng điện rác.* *Điểm của tiêu chí sau khi tính điểm cộng không vượt điểm tối đa của tiêu chí.*						

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
III. TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 12 ĐIỂM)						
12	1A.III.01	Có kế hoạch và các giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong đô thị	Chưa thực hiện nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Có văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh, thành phố. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung hoặc quy hoạch tổng thể thành phố. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các quy hoạch phân khu.	Đã thực hiện 1 trong 3 nội dung sau: - Có văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh, thành phố. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung hoặc quy hoạch tổng thể thành phố. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các quy hoạch phân khu.	Đã thực hiện 2 trong 3 nội dung sau: - Có văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh, thành phố. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung hoặc quy hoạch tổng thể thành phố. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các quy hoạch phân khu.	Đã thực hiện 3 nội dung sau: - Có văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh, thành phố. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung hoặc quy hoạch tổng thể thành phố. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các quy hoạch phân khu.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			Trường hợp trên địa bàn tỉnh, thành phố có hoạt động cộng đồng về bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong đô thị tối thiểu 1 lần trong năm được đánh giá thì chỉ số này được cộng 1 điểm. Trường hợp trong nội dung chương trình phát triển đô thị có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên thì chỉ số này được cộng 1 điểm. Điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			
13	1A.III.02	Tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị	Chưa thực hiện nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Có văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị. - Thực hiện tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch chung	Đã thực hiện 1 trong 3 nội dung sau: - Có văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị. - Thực hiện tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch chung	Đã thực hiện 2 trong 3 nội dung sau: - Có văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị. - Thực hiện tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch chung	Đã thực hiện 3 nội dung sau: - Có văn bản chỉ đạo của tỉnh, thành phố về tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị. - Thực hiện tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch chung

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			hoặc quy hoạch tổng thể thành phố. - Thực hiện tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào các quy hoạch phân khu.	hoặc quy hoạch tổng thể thành phố. - Thực hiện tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào các quy hoạch phân khu.	hoặc quy hoạch tổng thể thành phố. - Thực hiện tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào các quy hoạch phân khu.	hoặc quy hoạch tổng thể thành phố. - Thực hiện tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào các quy hoạch phân khu.
			Trường hợp trong nội dung chương trình phát triển đô thị có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) thì chỉ số này được cộng 1 điểm, điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			
14	1A.III.03	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Tỷ lệ từ 30% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 45% trở lên.
15	1A.III.04	Tăng cường quản lý chất thải rắn sinh hoạt, giảm ô nhiễm môi trường	Chưa thực hiện nội dung nào trong 3 nội dung, yêu cầu sau: - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn, tiêu	Đã thực hiện 1 trong 3 nội dung, yêu cầu sau: - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn, tiêu	Đã thực hiện 2 trong 3 nội dung, yêu cầu sau: - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn, tiêu	Đã thực hiện cả 3 nội dung, yêu cầu sau: - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt quy chuẩn, tiêu

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			chuẩn kỹ thuật từ 95% trở lên. - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp đạt tiêu chuẩn đạt dưới 50%. - Thu hồi từ 30% trở lên chất thải nhựa phát sinh thải ra môi trường.	chuẩn kỹ thuật từ 95% trở lên. - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp đạt tiêu chuẩn đạt dưới 50%. - Thu hồi từ 30% trở lên chất thải nhựa phát sinh thải ra môi trường.	chuẩn kỹ thuật từ 95% trở lên. - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp đạt tiêu chuẩn đạt dưới 50%. - Thu hồi từ 30% trở lên chất thải nhựa phát sinh thải ra môi trường.	chuẩn kỹ thuật từ 95% trở lên. - Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng hình thức chôn lấp trực tiếp đạt tiêu chuẩn đạt dưới 50%. - Thu hồi từ 30% trở lên chất thải nhựa phát sinh thải ra môi trường.
IV. TIÊU CHÍ NĂNG LỰC XÃ HỘI CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 12 ĐIỂM)						
16	1A.IV.01	Sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở	Thuộc nhóm các địa phương có kết quả "thấp nhất" ở trục nội dung "Tham gia của người dân ở cấp cơ sở" trong Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).	Thuộc nhóm các địa phương có kết quả "trung bình thấp" ở trục nội dung "Tham gia của người dân ở cấp cơ sở" trong Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).	Thuộc nhóm các địa phương có kết quả "trung bình cao" ở trục nội dung "Tham gia của người dân ở cấp cơ sở" trong Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).	Thuộc nhóm các địa phương có kết quả "cao nhất" ở trục nội dung "Tham gia của người dân ở cấp cơ sở" trong Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
17	1A.IV.02	Thiệt hại về người do ảnh hưởng của thiên tai	Số người chết và mất tích do ảnh hưởng của thiên tai thuộc nhóm địa phương xếp hạng từ 1-9.	Số người chết và mất tích do ảnh hưởng của thiên tai thuộc nhóm địa phương xếp hạng từ 10-18.	Số người chết và mất tích do ảnh hưởng của thiên tai thuộc nhóm địa phương xếp hạng từ 19-26.	Số người chết và mất tích do ảnh hưởng của thiên tai thuộc nhóm địa phương xếp hạng từ 27-34.
18	1A.IV.03	Tỉnh, thành phố có kế hoạch và hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng hằng năm về phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Chưa có kế hoạch nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có kế hoạch hành động hằng năm nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu và đã triển khai thực hiện dưới 50% tổng số hành động theo kế hoạch.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có kế hoạch hành động hằng năm nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu và đã triển khai thực hiện từ 50% trở lên tổng số hành động theo kế hoạch.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có kế hoạch hành động hằng năm nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu và triển khai thực hiện toàn bộ các hành động theo kế hoạch.
19	1A.IV.04	Tỷ lệ dân số thuộc nhóm dễ bị tổn thương	Tỷ lệ từ 37% trở lên.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 30% trở xuống.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
V. TIÊU CHÍ NĂNG LỰC KINH TẾ, TÀI CHÍNH CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 12 ĐIỂM)						
20	1A.V.01	Tỷ lệ giải ngân vốn ngân sách nhà nước liên quan đến phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Tỷ lệ từ 50% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ 100%.
			Trường hợp trên địa bàn tỉnh, thành phố đã triển khai thực hiện dự án hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, vốn ngoài nhà nước thì chỉ số này được cộng 1 điểm, điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			
21	1A.V.02	Tài chính cho duy tu, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Phân bổ tài chính đáp ứng từ 50% trở xuống nhu cầu kinh phí.	Tính điểm nội suy		Phân bổ tài chính đáp ứng 100% nhu cầu kinh phí.
22	1A.V.03	Chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp, đơn vị vận tải chuyển đổi sang phương tiện sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo	Chưa có kế hoạch hỗ trợ.	Có kế hoạch nhưng chưa có cơ chế tài chính cụ thể.	Có kế hoạch và cơ chế tài chính. Chưa triển khai thực tế trong năm được đánh giá.	Có kế hoạch và cơ chế tài chính hỗ trợ (vốn, thuế, trợ giá….). Đã triển khai thực tế trong năm được đánh giá.
23	1A.V.04	Tỷ lệ giá trị thiệt hại do thiên tai	Tỷ lệ từ 2,0% trở lên.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 1,0% trở xuống.

BẢNG 1B. CÁC CHỈ SỐ, TÍNH ĐIỂM CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ÁP DỤNG CHO ĐÔ THỊ LOẠI II

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
I. TIÊU CHÍ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 12 ĐIỂM)						
1	1B.I.01	Lồng ghép đánh giá rủi ro thiên tai vào quy hoạch chung đô thị	Chưa lồng ghép nội dung nào trong 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch bản biến	Đã lồng ghép 1 trong 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch bản biến	Đã lồng ghép 2 trong 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch bản biến	Đã lồng ghép 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch bản biến

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
			đổi khí hậu công bố gần nhất.	đổi khí hậu công bố gần nhất.	đổi khí hậu công bố gần nhất.	đổi khí hậu công bố gần nhất.
2	1B.I.02	Tỷ lệ số phường, xã, đặc khu đã thực hiện lập và phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị	Tỷ lệ từ 50% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 70% trở lên.
3	1B.I.03	Độ bao phủ mạng lưới giao thông công cộng	Mạng lưới giao thông công cộng bao phủ từ 10% trở xuống các đường chính, trục chính.	Tính điểm nội suy		Mạng lưới giao thông công cộng bao phủ từ 70% trở lên các đường chính, trục chính.
4	1B.I.04	Mức độ ứng dụng cơ sở dữ liệu đô thị	Chưa ứng dụng cơ sở dữ liệu đô thị.	Cơ sở dữ liệu đô thị được sử dụng để quản lý, cập nhật và tra cứu thông tin.	Cơ sở dữ liệu đô thị được sử dụng phục vụ đánh giá hoặc mô phỏng tác động của biến đổi khí hậu.	Cơ sở dữ liệu đô thị được sử dụng phục vụ đánh giá, mô phỏng và hỗ trợ ra quyết định trong ứng phó với biến đổi khí hậu.
Trường hợp đã ứng dụng 1 trong các giải pháp công nghệ xanh, công nghệ sạch, giải pháp tuần hoàn và các giải pháp dựa vào tự nhiên (NbS) đã được áp dụng vào thực tiễn đầu tư xây dựng tại đô thị thì tiêu chí này được cộng 2 điểm, điểm của tiêu chí sau khi tính điểm cộng không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí.						

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
II. TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THIẾT YẾU CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 21 ĐIỂM)						
5	1B.II.01	Khả năng duy trì hoạt động của dịch vụ cấp nước đô thị trước - trong - sau thiên tai	Chưa đảm bảo nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Có lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cho hệ thống cấp nước đô thị. - Thời gian gián đoạn cấp nước hộ gia đình tối đa không quá 24h một lần. - Khi thiên tai xảy ra, tỷ lệ dân số khu vực đô thị được cấp nước sạch được duy trì dịch vụ đạt từ 90% trở lên.	Đảm bảo 1 trong 3 nội dung sau: - Có lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cho hệ thống cấp nước đô thị. - Thời gian gián đoạn cấp nước hộ gia đình tối đa không quá 24h một lần. - Khi thiên tai xảy ra, tỷ lệ dân số khu vực đô thị được cấp nước sạch được duy trì dịch vụ đạt từ 90% trở lên.	Đảm bảo 2 trong 3 nội dung sau: - Có lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cho hệ thống cấp nước đô thị. - Thời gian gián đoạn cấp nước hộ gia đình tối đa không quá 24h một lần. - Khi thiên tai xảy ra, tỷ lệ dân số khu vực đô thị được cấp nước sạch được duy trì dịch vụ đạt từ 90% trở lên.	Đảm bảo 3 nội dung sau: - Có lập và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cho hệ thống cấp nước đô thị. - Thời gian gián đoạn cấp nước hộ gia đình tối đa không quá 24h một lần. - Khi thiên tai xảy ra, tỷ lệ dân số khu vực đô thị được cấp nước sạch được duy trì dịch vụ đạt từ 90% trở lên.
6	1B.II.02	Thoát nước chống ngập úng đô thị	Tỷ lệ số điểm ngập úng được khắc phục trên tổng số điểm ngập úng trên địa	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ số điểm ngập úng được khắc phục trên tổng số điểm

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
			bàn đạt từ 50% trở xuống.			ngập úng trên địa bàn đạt từ 75% trở lên.
7	1B.II.03	Giải pháp thoát nước chống ngập	Chưa đảm bảo nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Mật độ mạng lưới cống thoát nước từ 1km/km^2 trở lên. - Có giải pháp công trình cho trữ nước, điều tiết nước mưa hoặc kiểm soát triều cường. - Có kế hoạch bảo vệ hành lang thoát lũ.	Đảm bảo 1 trong 3 nội dung sau: - Mật độ mạng lưới cống thoát nước từ 1km/km^2 trở lên. - Có giải pháp công trình cho trữ nước, điều tiết nước mưa hoặc kiểm soát triều cường. - Có kế hoạch bảo vệ hành lang thoát lũ.	Đảm bảo 2 trong 3 nội dung sau: - Mật độ mạng lưới cống thoát nước từ 1km/km^2 trở lên. - Có giải pháp công trình cho trữ nước, điều tiết nước mưa hoặc kiểm soát triều cường. - Có kế hoạch bảo vệ hành lang thoát lũ.	Đảm bảo 3 nội dung sau: - Mật độ mạng lưới cống thoát nước từ 1km/km^2 trở lên. - Có giải pháp công trình cho trữ nước, điều tiết nước mưa hoặc kiểm soát triều cường. - Có kế hoạch bảo vệ hành lang thoát lũ.
8	1B.II.04	Thời gian mất điện bình quân của các hộ gia đình do thiên tai	Thời gian mất điện bình quân hộ gia đình từ 5 giờ trở lên.	Tính điểm nội suy		Thời gian mất điện bình quân hộ gia đình từ 1 giờ trở xuống.
9	1B.II.05	Năng lực các công trình công cộng tại đô thị đáp ứng nhu cầu sơ tán, trú ẩn an toàn khi thiên tai xảy ra	Sức chứa của các công trình công cộng tại địa phương có thể đáp ứng từ 60% trở xuống nhu cầu sơ tán, trú ẩn an	Tính điểm nội suy		Sức chứa của các công trình công cộng tại địa phương có thể đáp ứng 100% nhu cầu sơ

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			toàn khi thiên tai xảy ra.			tán, trú ẩn an toàn khi thiên tai xảy ra.
10	1B.II.06	Khả năng duy trì hoạt động của các tuyến giao thông chính khi xảy ra thiên tai	Từ 30% trở xuống các tuyến đường chính đô thị trở lên duy trì lưu thông trong thời gian xảy ra thiên tai.	Tính điểm nội suy		Từ 90% trở lên các tuyến đường chính đô thị trở lên duy trì lưu thông trong thời gian xảy ra thiên tai.
			Trường hợp trên địa bàn đã xác định, thông tin rộng rãi đến người dân các tuyến đường ưu tiên cứu hộ, cứu nạn cho khu vực thường xuyên bị thiệt hại khi xảy ra thiên tai thì chỉ số này được cộng 1 điểm, điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			
11	1B.II.07	Khả năng vận hành liên tục của hệ thống hạ tầng viễn thông và internet và mức độ phổ biến thông tin đến người dân	Chưa đảm bảo nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân	Đảm bảo 1 trong 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân	Đảm bảo 2 trong 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông	Đảm bảo 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp. - Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.	thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp. - Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.	qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp. - Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.	qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp. - Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.
Trường hợp đô thị có 1 nội dung sau thì tiêu chí này được cộng 1 điểm, có từ 2 nội dung trở lên thì tiêu chí này được cộng 2 điểm. Điểm của tiêu chí sau khi cộng điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí: *- Có giải pháp phòng chống nắng nóng, hạn hán.* *- Có giải pháp phòng, chống sạt lở đất.* *- Có giải pháp phòng chống xâm nhập mặn.*						
III. TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 15 ĐIỂM)						
12	1B.III.01	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	Tỷ lệ từ 25% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 35% trở lên.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
13	1B.III.02	Sự suy giảm diện tích mặt nước đô thị	Diện tích mặt nước đô thị bị suy giảm từ 5% trở lên.	Tính điểm nội suy		Diện tích mặt nước đô thị không bị suy giảm hoặc tăng lên.
14	1B.III.03	Có kế hoạch và các giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong đô thị	Chưa đảm bảo nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung quy hoạch chung. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các quy hoạch phân khu. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các kế hoạch phát triển đô thị	Đảm bảo 1 trong 3 nội dung sau: - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung quy hoạch chung. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các quy hoạch phân khu. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các kế hoạch phát triển đô thị	Đảm bảo 2 trong 3 nội dung sau: - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung quy hoạch chung. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các quy hoạch phân khu. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các kế hoạch phát triển đô thị	Đảm bảo 3 nội dung sau: - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung quy hoạch chung. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các quy hoạch phân khu. - Có giải pháp bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong nội dung các kế hoạch phát triển đô thị

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			Trường hợp trên địa bàn có hoạt động cộng đồng về bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên trong đô thị tối thiểu 1 lần trong năm được đánh giá thì chỉ số này được cộng 1 điểm. Điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			
15	1B.III.04	Tích hợp các giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) vào quy hoạch đô thị và kế hoạch phát triển đô thị	Chưa đảm bảo nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung quy hoạch chung. - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung các quy hoạch phân khu. - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung các kế hoạch phát triển đô thị.	Đảm bảo 1 trong 3 nội dung sau: - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung quy hoạch chung. - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung các quy hoạch phân khu. - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung các kế hoạch phát triển đô thị.	Đảm bảo 2 trong 3 nội dung sau: - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung quy hoạch chung. - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung các quy hoạch phân khu. - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung các kế hoạch phát triển đô thị.	Đảm bảo 3 nội dung sau: - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung quy hoạch chung. - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung các quy hoạch phân khu. - Có giải pháp hạ tầng xanh, dựa vào tự nhiên (NbS) trong nội dung các kế hoạch phát triển đô thị.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
16	1B.III.05	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Tỷ lệ từ 35% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 50% trở lên.
IV. TIÊU CHÍ NĂNG LỰC XÃ HỘI CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 12 ĐIỂM)						
17	1B.IV.01	Khả năng đảm bảo duy trì hoạt động của các công trình y tế khi xảy ra thiên tai	Tỷ lệ công trình y tế tại địa phương có thể đảm bảo sự duy trì hoạt động khi thiên tai xảy ra từ 70% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ công trình y tế tại địa phương có thể đảm bảo sự duy trì hoạt động khi thiên tai xảy ra từ 90% trở lên.
18	1B.IV.02	Tỷ lệ nhà ở bị hư hỏng do thiên tai đã được sửa chữa, xây dựng lại	Tỷ lệ từ 30% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 80% trở lên.
19	1B.IV.03	Số lượng giường bệnh trên 10.000 người dân của đô thị	Từ 25 giường bệnh trở xuống trên 10.000 người dân.	Tính điểm nội suy		Từ 35 giường bệnh trở lên trên 10.000 người dân.
20	1B.IV.04	Diễn tập ứng phó với thiên tai và thảm họa	Lần diễn tập gần nhất thực hiện từ 3	Lần diễn tập gần nhất thực hiện 2	Lần diễn tập gần nhất thực hiện 1 năm	Lần diễn tập gần nhất thực hiện trong năm được đánh giá.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			năm trở lên trước năm được đánh giá.	năm trước năm được đánh giá.	trước năm được đánh giá.	
			Trường hợp có tuyên truyền liên quan đến phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai thì chỉ số này được cộng 1 điểm. Trường hợp có đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc chưa thực hiện diễn tập thì trừ 1 điểm. Điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng, trừ không ít hơn 0 điểm và không vượt quá 3 điểm.			
V. TIÊU CHÍ NĂNG LỰC KINH TẾ, TÀI CHÍNH CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 9 ĐIỂM)						
21	1B.V.01	Thực hiện phân bổ kinh phí để duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở y tế do địa phương quản lý	Phân bổ tài chính đáp ứng từ 50% trở xuống nhu cầu kinh phí hoặc không có kế hoạch duy tu bảo dưỡng cụ thể.	Tính điểm nội suy		Phân bổ tài chính đáp ứng 100% nhu cầu kinh phí.
22	1B.V.02	Thực hiện phân bổ kinh phí để duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở giáo dục do địa phương quản lý	Phân bổ tài chính đáp ứng từ 50% trở xuống nhu cầu kinh phí hoặc không có kế hoạch duy tu bảo dưỡng cụ thể.	Tính điểm nội suy		Phân bổ tài chính đáp ứng 100% nhu cầu kinh phí.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
23	1B.V.03	Tỷ lệ hộ dân nhận được hỗ trợ tài chính hoặc phi tài chính sau thiên tai hoặc sự kiện thời tiết cực đoan	Tỷ lệ hộ dân nhận được hỗ trợ từ 30% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ hộ dân nhận được hỗ trợ từ 75% trở lên.

BẢNG 1C. CÁC CHỈ SỐ, TÍNH ĐIỂM CÁC CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ÁP DỤNG CHO ĐÔ THỊ LOẠI III

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
I. TIÊU CHÍ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 12 ĐIỂM)						
1	1C.I.01	Lồng ghép đánh giá rủi ro thiên tai vào quy hoạch chung đô thị	Chưa lồng ghép nội dung nào trong 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch	Đã lồng ghép 1 trong 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch	Đã lồng ghép 2 trong 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch	Đã lồng ghép 3 nội dung sau vào quy hoạch chung đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.
2	1C.I.02	Lồng ghép đánh giá rủi ro thiên tai vào kế hoạch phát triển đô thị	Chưa lồng ghép nội dung nào trong 3 nội dung sau vào kế hoạch phát triển đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	Đã lồng ghép 1 trong 3 nội dung sau vào kế hoạch phát triển đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	Đã lồng ghép 2 trong 3 nội dung sau vào kế hoạch phát triển đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.	Đã lồng ghép 3 nội dung sau vào kế hoạch phát triển đô thị: - Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu hoặc bản đồ phân cấp tính dễ bị tổn thương và rủi ro do biến đổi khí hậu theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất. - Bản đồ rủi ro khí hậu và cảnh báo thiên tai theo kịch bản biến đổi khí hậu công bố gần nhất.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
3	1C.I.03	Dịch vụ vận tải công cộng	Chưa có loại hình nào trong 3 loại hình vận tải sau: - Xe buýt và taxi. - Xe khách nội tỉnh hoặc liên tỉnh. - Dịch vụ vận tải công cộng khác.	Có 1 trong 3 loại hình vận tải sau: - Xe buýt và taxi. - Xe khách nội tỉnh hoặc liên tỉnh. - Dịch vụ vận tải công cộng khác.	Có 2 trong 3 loại hình vận tải sau: - Xe buýt và taxi. - Xe khách nội tỉnh hoặc liên tỉnh. - Dịch vụ vận tải công cộng khác.	Có 3 loại hình vận tải sau: - Xe buýt và taxi. - Xe khách nội tỉnh hoặc liên tỉnh. - Dịch vụ vận tải công cộng khác.
4	1C.I.04	Số lượng lớp thông tin đô thị thiết yếu được lưu trữ dưới dạng số và nằm trong hệ tọa độ Quốc gia VN-2000	Chưa có lớp thông tin đô thị thiết yếu nào được lưu trữ dưới dạng số.	Có 01 đến 03 lớp thông tin đô thị thiết yếu được lưu trữ dưới dạng số và nằm trong hệ tọa độ Quốc gia VN-2000.	Có 04 đến 05 lớp thông tin đô thị thiết yếu được lưu trữ dưới dạng số và nằm trong hệ tọa độ Quốc gia VN-2000.	Có tối thiểu 06 lớp thông tin đô thị thiết yếu được lưu trữ dưới dạng số và nằm trong hệ tọa độ Quốc gia VN-2000.
II. TIÊU CHÍ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THIẾT YẾU CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 15 ĐIỂM)						
5	1C.II.01	Thoát nước chống ngập úng đô thị	Tỷ lệ số điểm ngập úng được khắc phục trên tổng số điểm ngập úng trên địa bàn trong năm đạt từ 25% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ số điểm ngập úng được khắc phục trên tổng số điểm ngập úng trên địa bàn trong năm đạt từ 50% trở lên.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
6	1C.II.02	Thời gian mất điện bình quân của các hộ gia đình do thiên tai	Thời gian mất điện bình quân hộ gia đình từ 5 giờ trở lên.	Tính điểm nội suy		Thời gian mất điện bình quân hộ gia đình từ 1 giờ trở xuống.
7	1C.II.03	Năng lực các công trình công cộng tại đô thị đáp ứng nhu cầu sơ tán, trú ẩn an toàn khi thiên tai xảy ra	Sức chứa của các công trình công cộng tại địa phương có thể đáp ứng từ 60% trở xuống nhu cầu sơ tán, trú ẩn an toàn khi thiên tai xảy ra.	Tính điểm nội suy		Sức chứa của các công trình công cộng tại địa phương có thể đáp ứng 100% nhu cầu sơ tán, trú ẩn an toàn khi thiên tai xảy ra.
8	1C.II.04	Khả năng duy trì hoạt động của các tuyến giao thông chính khi xảy ra thiên tai	Từ 30% trở xuống các tuyến đường khu vực trở lên duy trì lưu thông trong thời gian xảy ra thiên tai.	Tính điểm nội suy		Từ 90% trở lên các tuyến đường khu vực trở lên duy trì lưu thông trong thời gian xảy ra thiên tai.
			Trường hợp trên địa bàn đã xác định, thông tin rộng rãi đến người dân các tuyến đường ưu tiên cứu hộ, cứu nạn cho khu vực thường xuyên bị thiệt hại khi xảy ra thiên tai thì chỉ số này được cộng 1 điểm, điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
9	1C.II.05	Khả năng vận hành liên tục của hệ thống hạ tầng viễn thông và internet và mức độ phổ biến thông tin đến người dân	Chưa đảm bảo nội dung nào trong 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp. - Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.	Đảm bảo 1 trong 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp. - Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.	Đảm bảo 2 trong 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp. - Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.	Đảm bảo 3 nội dung sau: - Hệ thống hạ tầng viễn thông và internet hoạt động ổn định trong các tình huống khẩn cấp. - Thông tin cảnh báo sớm thiên tai được truyền tải kịp thời đến người dân thông qua từ 3 kênh thông tin trở lên, trong đó có ít nhất 2 kênh cảnh báo trực tiếp khẩn cấp. - Tỷ lệ người dân tại khu vực rủi ro cao tiếp cận được thông tin cảnh báo sớm thiên tai đạt từ 90% trở lên.
Trường hợp đô thị có 1 nội dung sau thì tiêu chí này được cộng 1 điểm, có từ 2 nội dung trở lên thì tiêu chí này được cộng 2 điểm. Điểm của tiêu chí sau khi cộng điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí: *- Có giải pháp phòng chống nắng nóng, hạn hán.*						

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
- Có giải pháp phòng, chống sạt lở đất. *- Có giải pháp phòng chống xâm nhập mặn.*						
III. TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 9 ĐIỂM)						
10	1C.III.01	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	Tỷ lệ từ 25% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 35% trở lên.
11	1C.III.02	Sự suy giảm diện tích mặt nước đô thị	Diện tích mặt nước đô thị bị suy giảm từ 5% trở lên.	Tính điểm nội suy		Diện tích mặt nước đô thị không bị suy giảm hoặc tăng lên.
12	1C.III.03	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý bằng các biện pháp phù hợp	Tỷ lệ từ 50% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 70% trở lên hoặc đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật.
IV. TIÊU CHÍ NĂNG LỰC XÃ HỘI CHỐNG CHỊU VỚI BIÊN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 9 ĐIỂM)						
13	1C.IV.01	Khả năng đảm bảo duy trì hoạt động của các công trình y tế khi xảy ra thiên tai	Tỷ lệ công trình y tế tại địa phương có thể đảm bảo sự duy trì hoạt động khi	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ công trình y tế tại địa phương có thể đảm bảo sự duy trì hoạt động khi

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	**1 điểm**	**2 điểm**	**3 điểm**
			thiên tai xảy ra từ 70% trở xuống.			thiên tai xảy ra từ 90% trở lên.
14	1C.IV.02	Tỷ lệ nhà ở bị hư hỏng do thiên tai đã được sửa chữa, xây dựng lại	Tỷ lệ từ 30% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ từ 80% trở lên.
15	1C.IV.03	Diễn tập ứng phó với thiên tai và thảm họa	Lần diễn tập gần nhất thực hiện từ 3 năm trở lên trước năm được đánh giá.	Lần diễn tập gần nhất thực hiện 2 năm trước năm được đánh giá.	Lần diễn tập gần nhất thực hiện 1 năm trước năm được đánh giá.	Lần diễn tập gần nhất thực hiện trong năm được đánh giá.
			Trường hợp có tuyên truyền liên quan đến phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai thì chỉ số này được cộng 1 điểm, điểm của chỉ số sau khi tính điểm cộng không vượt quá 3 điểm.			
V. TIÊU CHÍ NĂNG LỰC KINH TẾ, TÀI CHÍNH CHỐNG CHỊU VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (TỐI ĐA 9 ĐIỂM)						
16	1C.V.01	Thực hiện phân bổ kinh phí để duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở y tế do địa phương quản lý	Phân bổ tài chính đáp ứng từ 50% trở xuống nhu cầu kinh phí hoặc không có kế hoạch duy tu bảo dưỡng cụ thể.	Tính điểm nội suy		Phân bổ tài chính đáp ứng 100% nhu cầu kinh phí.
17	1C.V.02	Thực hiện phân bổ kinh phí để duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở	Phân bổ tài chính đáp ứng từ 50% trở xuống nhu cầu kinh phí hoặc	Tính điểm nội suy		Phân bổ tài chính đáp ứng 100% nhu cầu kinh phí.

Thứ tự	Mã chỉ số	Tiêu chí, chỉ số	Mức đánh giá			
			0 điểm	1 điểm	2 điểm	3 điểm
		giáo dục do địa phương quản lý	không có kế hoạch duy tu bảo dưỡng cụ thể.			
18	1C.V.03	Tỷ lệ hộ dân nhận được hỗ trợ tài chính hoặc phi tài chính sau thiên tai hoặc sự kiện thời tiết cực đoan	Tỷ lệ hộ dân nhận được hỗ trợ từ 30% trở xuống.	Tính điểm nội suy		Tỷ lệ hộ dân nhận được hỗ trợ từ 75% trở lên.